TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đức Đẹp
Bà Nguyễn Thị Mộng Lành
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Đạt - Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX-ST ngày 3 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐHPT-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1964
Địa chỉ: 24 đường N, phường P, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963
Địa chỉ: 24 đường N, phường P, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, Vũ Thị T trình bày*: Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn năm 1987, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân được nhiều năm. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với ông P nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông P có hai con chung là Nguyễn QA, sinh năm 1987 và Nguyễn HA, sinh năm 1994. Các con chung đã trên 18 tuổi, bà không yêu cầu tòa án giải quyết về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có

* Bị đơn, ông Nguyễn Văn P vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn P đến tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2), ông P vẫn vắng mặt. Ngày 8/7/2019, nguyên đơn, bà Vũ Thị T có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Ông Nguyễn Văn P và bà Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/7/1987. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà T xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông P.

Phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa án để làm việc, ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, đến thời điểm này bị đơn vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T xin ly hôn ông P là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Bà T xác định bà và ông P có hai con chung đã thành niên (là người trên 18 tuổi), không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà Vũ Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Vũ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

- Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010907 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Lệ

* *Nơi nhận*:
- VKSND TP.Nha Trang
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND phường T (*Số 01, ngày 21/7/1987)*
- Các đương sự;
- Lưu